

Bản án số: 35/2026/HS-ST  
Ngày 10/02/2026

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Tân;

Ông Đỗ Xuân Quyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bế Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2026/TLST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1972 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số nhà E, đường N, phường L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH T2; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thái L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tần C; có chồng là Bùi Văn T và hai con: Con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 24/12/2025; hiện tại ngoại; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/8/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ C1 đã khởi tố đối với Công ty TNHH MTV Đ; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện G (nay là xã G), tỉnh Ninh Bình; theo đó ngày 05/9/2025 đã ra Quyết định tách và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đối với hành vi và tài liệu liên quan đến Công ty TNHH T2; địa chỉ: Số E, đường N, phường L, thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Công ty T2) và Công ty TNHH Đ1; địa chỉ: Số B, T, phường H, thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Công ty Đ1). Cụ thể:

Cuối năm 2018, Nguyễn Thị Hồng V là Giám đốc Công ty T2 trong quá trình kinh doanh V có quen ông Nguyễn Văn N là nhân viên phụ trách quản lý

giao nhận vật liệu của Công ty Đ và biết Công ty là nhà thầu đang chuẩn bị thi công dự án Hồ chứa nước Bản L, tỉnh Lạng Sơn. V đề nghị được bán một số mặt hàng vật liệu xây dựng cho Công ty Đ với đơn giá: Tro bay là 610.000 đồng/tấn và Xi măng là 1.190.000 đồng/tấn (đã bao gồm thuế GTGT).

Công ty Đ đồng ý và yêu cầu V viết hóa đơn GTGT nâng khống đơn giá hàng hóa so với giá thật, cụ thể: Tro bay là 900.000 đồng/tấn, Xi măng là 1.400.000 đồng/tấn (đã bao gồm thuế GTGT). Sau đó, thông qua ông N, Công ty Đ và Công ty T2 ký hai (02) hợp đồng gồm: Hợp đồng nguyên tắc số 02/1018/HĐNT-HD-AT ngày 25/01/2019 với đơn giá mua bán hàng hóa thực tế và Hợp đồng nguyên tắc số 01/1018/HĐNT-HD-AT ngày 25/01/2019 với đơn giá nâng khống giá trị hàng hóa. Công ty Đ sẽ chuyển cho Công ty A đối với phần viết chênh lệch giá trên hóa đơn là 05% đối với mặt hàng Xi măng và 10% đối với mặt hàng Tro bay để Công ty T2 nộp thuế GTGT. Theo đó, từ ngày 09/12/2018 đến ngày 31/7/2021 V đã xuất 32 tờ hóa đơn GTGT bán hàng cho Công ty Đ các mặt hàng vật liệu xây dựng. Trong đó có 29 tờ hóa đơn nâng khống đơn giá hàng hóa. Tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 39.726.121.270 đồng, thuế GTGT là 3.972.612.126 đồng, tổng tiền hàng sau thuế là 43.698.733.396 đồng. Như vậy khoản tiền chênh lệch tăng giữa tiền hàng thanh toán theo hóa đơn GTGT và tiền hàng thanh toán thực tế với giá trị trước thuế là 7.357.944.270 đồng; chênh lệch thuế VAT là 735.794.427 đồng. Số tiền phí mà Công ty Đ chi trả cho Công ty T2 là 423.529.279 đồng. Về hình thức thanh toán: Từ ngày 28/3/2019 đến ngày 21/12/2021 Công ty Đ đã chuyển khoản từ số tài khoản 48310000080136 tại Ngân hàng B đến số tài khoản 46010001179164 tại Ngân hàng B của Công ty T2 số tiền 43.698.733.396 đồng. Sau đó, V đã bảy (07) lần nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng của Công ty Đ, tài khoản cá nhân của ông D và tài khoản của bà Trịnh Thị D1 là vợ ông D. Mục đích để bán được hàng hóa nên V đã đồng ý viết nâng khống giá trị hàng trên hóa đơn mà không thu lợi được, do 29 tờ hoá đơn nêu trên Công ty T2 đã dùng kê khai nộp thuế GTGT theo kỳ kê tháng và đã quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo năm tài chính. V phải bù thêm tiền thuế 5% đối với mặt hàng Xi măng và tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần nâng khống giá trị hàng hóa.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra V đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung trên, phù hợp với lời khai của người liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, kết quả xác minh tại cơ quan Thuế thành phố H, trích xuất dữ liệu điện tử, sao kê tài khoản ngân hàng....

Cáo trạng số 11/CT-VKSHP-P3, ngày 10/01/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Thị Hồng V về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng; bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng V phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng V từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo vô cùng hối hận về việc mình đã làm. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền là hình phạt chính.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Từ ngày 09/12/2018 đến ngày 31/7/2021, do muốn tiêu thụ được hàng hóa nên Nguyễn Thị Hồng V đã bán trái phép 29 số hóa đơn GTGT nâng khống giá trị hàng hóa cho Công ty Đ với số tiền phí là 423.529.279 đồng. Khoản tiền chênh lệch tăng giữa tiền hàng thanh toán theo hóa đơn GTGT và tiền hàng thanh toán thực tế với giá trị trước thuế là 7.357.944.270 đồng, chênh lệch thuế VAT là 735.794.427 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Hồng V đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

[3] Do vậy, Cáo trạng số 11/CT-VKSHP-P3, ngày 10/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo V về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế và tài chính; xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế; làm suy giảm và thất thoát Ngân sách nhà nước. Vì vậy cần xét xử nghiêm để răn đe, giáo dục và đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra truy tố và xét xử tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần xem xét để cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có bố chồng là ông Bùi Văn T1 là Liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đã phân tích ở trên và bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, bị cáo xin đề nghị được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự để xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng V phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng V 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, để sung vào Ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng V kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng V phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa phúc thẩm TAND Tối cao;
- VKSND TP Hải Phòng;
- CQCSĐT Công an thành phố Hải Phòng;
- CQTHA hình sự;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Kiên**